

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ,
tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 1393/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-ĐHQG ngày 22 tháng 6 năm 2022 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng và các Ban chức năng Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1337/QĐ-ĐHQG ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 783/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định quản lý liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ với nước ngoài tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đối ngoại và Phát triển dự án, Trưởng các ban chức năng có liên quan, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, ĐN&PTDA.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tâm

QUY ĐỊNH

Liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về tổ chức thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (Dưới đây viết tắt là CTLKNN), bao gồm: phê duyệt chủ trương; xây dựng, phê duyệt hồ sơ cấp phép, gia hạn, điều chỉnh các CTLKNN; tổ chức tuyển sinh; tổ chức đào tạo và công nhận tốt nghiệp; chế độ báo cáo và lưu trữ; kiểm tra và xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, viện, khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), phân hiệu ĐHQG-HCM được Giám đốc ĐHQG-HCM giao nhiệm vụ triển khai CTLKNN, các cá nhân Việt Nam, tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực liên kết đào tạo với nước ngoài tại ĐHQG-HCM.

3. Đối với trường hợp khác, Giám đốc ĐHQG-HCM sẽ xem xét và phê duyệt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở đào tạo bao gồm: các trường đại học thành viên, viện, khoa và phân hiệu ĐHQG-HCM trực thuộc ĐHQG-HCM (sau đây gọi tắt là CSĐT).

2. Thủ trưởng CSĐT bao gồm: hiệu trưởng các trường đại học thành viên, viện trưởng, trưởng khoa và giám đốc phân hiệu ĐHQG-HCM trực thuộc ĐHQG-HCM.

3. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài liên kết đào tạo với CSĐT phải là cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng, có văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép đào tạo và cấp văn bằng trong lĩnh vực liên kết hoặc có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục còn hiệu lực do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp cấp. Các bên liên kết phải bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng của chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là CSNN).

4. Các bên liên kết bao gồm: CSĐT và CSNN đã ký kết thỏa thuận hợp tác.

5. Liên kết đào tạo là việc hợp tác giữa CSĐT và CSNN nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng mà không thành lập pháp nhân. Việc liên kết đào tạo với nước ngoài phải bảo đảm thực hiện quy định của Luật Giáo dục đại học và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. CTLKNN là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài.

7. Liên kết đào tạo trực tuyến (online) là việc hợp tác giữa CSNN và CSĐT nhằm thực hiện chương trình đào tạo thông qua môi trường mạng và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện để cấp văn bằng giáo dục đại học cho người học;

8. Hình thức liên kết đào tạo trực tuyến là hình thức đào tạo khi thực hiện CTLKNN có thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến 50% trở lên trong tổng thời lượng giảng dạy của chương trình;

9. Hình thức liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (blended) là hình thức đào tạo khi thực hiện chương trình liên kết đào tạo có thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến dưới 50% tổng thời lượng giảng dạy của chương trình.

10. Hình thức liên kết đào tạo trực tiếp là hình thức đào tạo khi thực hiện chương trình liên kết đào tạo có thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tiếp 100% tổng thời lượng giảng dạy của chương trình.

11. Ngành gần là ngành do CSĐT tự xác định/đề xuất trong đề án CTLKNN khi đề nghị được cấp phép.

Điều 3. Quy định trách nhiệm

1. Trách nhiệm của ĐHQG-HCM

- a) Xét duyệt chủ trương CTLKNN của CSĐT.
- b) Tổ chức thẩm định và phê duyệt cấp phép hoạt động, gia hạn hồ sơ CTLKNN với các hình thức liên kết trực tiếp, trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến của CSĐT.
- c) Chỉ đạo chung về tuyển sinh và quản lý đào tạo CTLKNN tại CSĐT.
- d) Kiểm tra hoạt động triển khai CTLKNN tại CSĐT theo quy định.

2. Trách nhiệm của CSĐT

- a) Xây dựng hồ sơ CTLKNN theo đúng quy định.
- b) Xây dựng và ban hành các quy định cụ thể đối với chương trình liên kết đào tạo theo quy định của Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan về: Tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; số lượng người học trong một lớp để đảm bảo sự gắn kết và hiệu quả học tập của người học; thi; kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần, bảo vệ đề án, khóa luận, luận văn, luận án; bằng tốt nghiệp của CSĐT (đối với trường hợp cấp song bằng); lưu trữ và bảo mật thông tin;

- c) Thực hiện tuyển sinh và quản lý đào tạo CTLKNN theo đúng quy định.
- d) Lập kế hoạch và báo cáo ĐHQG-HCM công tác tuyển sinh và đào tạo hằng năm.

3. Trách nhiệm của các bên liên kết

a) Cung cấp đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến chương trình liên kết đào tạo trên trang thông tin điện tử của các bên liên kết và chịu trách nhiệm về sự chính xác của những thông tin này.

b) Tổ chức triển khai thực hiện chương trình liên kết đào tạo theo đúng nội dung đã được phê duyệt trên quyết định cấp phép hoạt động, quyết định gia hạn, quyết định điều chỉnh và quy định pháp luật có liên quan;

c) Chịu trách nhiệm về giá trị pháp lý của văn bằng do CSNN cấp cho người học.

d) Triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng chương trình liên kết đào tạo và thực hiện kiểm định và kiểm định lại theo chu kỳ các CTLKNN thực hiện tại Việt Nam ngay sau khi có học viên tốt nghiệp theo quy định;

đ) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp và kỹ năng cần thiết về đào tạo trực tuyến, thiết kế học liệu điện tử cho đội ngũ giảng viên, cố vấn học tập và người hỗ trợ kỹ thuật tham gia triển khai CTLKNN trực tuyến, CTLKNN trực tiếp kết hợp với trực tuyến;

e) CSĐT phải công bố công khai thông tin liên quan về CTLKNN, tính pháp lý của văn bằng nước ngoài được cấp tại nước cấp bằng và tại Việt Nam trên trang thông tin điện tử của các bên liên kết và phương tiện thông tin đại chúng; hỗ trợ người học trong quá trình công nhận văn bằng trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

g) Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng của chương trình đào tạo.

h) Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người học, cán bộ, giảng viên, và những người lao động khác trong trường hợp chấm dứt hoặc buộc phải chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo trước thời hạn, cụ thể như sau: Đảm bảo quyền lợi của người học; Bồi hoàn kinh phí cho người học trong các trường hợp CSĐT và CSNN vi phạm quy định dẫn đến người học không được cấp bằng hoặc cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng không được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Bộ GD&ĐT) và cơ quan có thẩm quyền ở nước nơi CSNN đặt trụ sở chính công nhận; Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể; Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

i) Duy trì các bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học trong hệ thống quản lý học tập và có thể trích xuất phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra khi được yêu cầu trong thời gian tối thiểu 5 năm kể từ khi tốt nghiệp;

k) Lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ liên kết đào tạo, thông tin người học tại CSĐT và CSNN;

l) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. CSĐT, CSNN không thực hiện việc báo cáo hoặc báo cáo không chính xác sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

m) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đối tượng liên kết đào tạo

1. CSĐT đã được kiểm định chất lượng giáo dục.

2. CSNN là cơ sở đào tạo được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

Điều 5. Hình thức liên kết

1. Các hình thức liên kết đào tạo:

a) Liên kết đào tạo trực tiếp: bảo đảm 100% thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tiếp trong tổng thời lượng giảng dạy của chương trình;

b) Liên kết đào tạo trực tuyến (online): bảo đảm có từ 50% thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến trở lên trong tổng thời lượng giảng dạy của chương trình;

c) Liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến: bảo đảm có không quá 30% thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến trong tổng thời lượng giảng dạy của chương trình;

Điều 6. Phạm vi liên kết đào tạo

1. CSĐT chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo đã được ĐHQG-HCM cho phép thực hiện trừ các ngành đào tạo giáo viên, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, quốc phòng an ninh.

2. CSNN quy định tại khoản 2 Điều 4 chỉ được liên kết đào tạo trong phạm vi ngành và trình độ đào tạo được phép thực hiện và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận trừ các ngành đào tạo giáo viên, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, quốc phòng an ninh.

Điều 7. Quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo (chỉ tiêu tuyển sinh) của CTLKNN được xác định căn cứ vào các điều kiện bảo đảm chất lượng về cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tham gia thực hiện CTLKNN. Các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán tổng chỉ tiêu tuyển sinh của CSĐT. Trường hợp có chung các điều kiện bảo đảm chất lượng thì quy mô đào tạo của các CTLKNN phải được tính trong tổng quy mô tuyển sinh hằng năm của CSĐT. CSĐT và CSNN đề xuất quy mô đào tạo trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo, trình ĐHQG-HCM phê duyệt.

Điều 8. Đối tượng tuyển sinh

1. Trường hợp cấp văn bằng của CSĐT thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng các điều kiện tuyển sinh theo quy định của ĐHQG-HCM, của CSĐT và pháp luật Việt Nam.

2. Trường hợp cấp văn bằng của CSNN thì phải đáp ứng điều kiện tuyển sinh các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của CSNN tương ứng với điều kiện tiếp nhận vào học quy định ở nước sở tại nơi CSNN được thành lập. Các điều kiện này phải thể hiện trong Đề án CTLKNN được ĐHQG-HCM phê duyệt.

3. Trường hợp đồng thời cấp văn bằng của CSĐT và văn bằng của CSNN thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 9. Trình độ ngoại ngữ

1. Điều kiện ngoại ngữ đầu vào

a) Trường hợp cấp văn bằng của CSĐT ít nhất phải có trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Trường hợp cấp văn bằng của CSNN và trường hợp đồng thời cấp văn bằng của CSĐT và văn bằng của CSNN, đối tượng tuyển sinh ít nhất phải có trình độ Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

c) Đối với đối tượng tuyển sinh các CTLKNN nhóm ngành ngôn ngữ nước ngoài thì yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định của CSNN.

2. CSĐT có thể tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ giúp học viên đạt trình độ quy định tại khoản 1 Điều này trước khi học viên được nhập học chính khoá.

Điều 10. Ngôn ngữ giảng dạy

CTLKNN cấp văn bằng của CSNN phải giảng dạy bằng ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch. CTLKNN cấp văn bằng của CSĐT có thể giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch.

Điều 11. Đội ngũ giảng viên

1. Đối với CTLKNN trình độ đại học, giảng viên ít nhất phải có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với nhóm ngành giảng dạy.

2. Đối với CTLKNN trình độ thạc sĩ, giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề và hướng dẫn luận văn thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ phù hợp với nhóm ngành giảng dạy; giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập ít nhất phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên môn tham gia hướng dẫn thực hành, thực tập.

3. Đối với CTLKNN trình độ tiến sĩ, giảng viên phải có bằng tiến sĩ thuộc nhóm ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải bảo đảm quy định tối thiểu như quy định đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh của các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam.

4. Giảng viên giảng dạy các CTLKNN phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học trong cùng lĩnh vực giảng dạy trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Giảng viên giảng dạy bằng ngoại ngữ trong CTLKNN phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

6. Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp.

7. Đối với học phần giảng dạy trực tuyến, ngoài giảng viên giữ vai trò giảng dạy chính còn có giảng viên giữ vai trò trợ giảng hỗ trợ chuyên môn và người hỗ trợ kỹ thuật. CSĐT và CSNN phải thống nhất xây dựng quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí nêu trên trong đề án.

8. Giảng viên và người hỗ trợ thực hiện các học phần giảng dạy trực tuyến phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng và quy định của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trong đề án.

9. Đảm bảo đội ngũ giảng viên cơ hữu trong hệ thống ĐHQG-HCM phụ trách giảng dạy tối thiểu 30% CTĐT

Điều 12. Chương trình đào tạo

1. CTLKNN được thực hiện theo chương trình của CSNN hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng của nước ngoài, cấp văn bằng của Việt Nam và nước ngoài.

2. Chương trình đào tạo của CSNN thực hiện liên kết tại Việt Nam là chương trình đã được kiểm định chất lượng giáo dục ở nước sở tại hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận về chất lượng giáo dục; hoặc CSNN nằm trong danh sách các trường đại học đã được công nhận và kiểm định tại nước sở tại và được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp phép tự kiểm định chương trình đào tạo; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam và phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các trình độ đào tạo.

3. Chương trình đào tạo do hai bên cùng xây dựng được thực hiện một trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp cấp văn bằng của CSNN, chương trình đào tạo phải đảm bảo thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của nước ngoài và phải giữ những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo của CSNN.

b) Trường hợp cấp văn bằng của cả CSNN và CSĐT, chương trình đào tạo phải đảm bảo thực hiện theo quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình của nước ngoài và của Việt Nam và phải giữ những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo của CSNN.

4. Chuẩn đầu ra của CTLKNN phải đáp ứng được yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam hoặc không được thấp hơn chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tương ứng tại CSĐT đang triển khai.

5. Đối với CTLKNN trình độ đại học: chương trình đào tạo tại trụ sở chính của CSNN và chương trình đào tạo của CSĐT đang được triển khai theo hình thức trực tuyến ở cùng ngành hoặc ngành gần dự định liên kết và đều có người tốt nghiệp.

6. Đối với CTLKNN trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ: chương trình đào tạo tại trụ sở chính của CSNN và chương trình đào tạo của CSĐT đang được triển khai theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến với thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến đạt từ 20% tổng thời lượng giảng dạy của chương trình trở lên ở cùng ngành hoặc ngành gần, cùng trình độ dự định liên kết đào tạo và đều có người tốt nghiệp.

7. CTLKNN đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ có thời lượng giảng dạy theo phương thức trực tuyến tối đa 30% tổng thời lượng giảng dạy của CTLKNN.

Điều 13. Cơ sở vật chất, địa điểm liên kết đào tạo

1. Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong liên kết đào tạo phải phù hợp với yêu cầu của ngành đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của CSĐT và bao gồm: phòng học, phòng làm việc của giảng viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp ít nhất là 05 m²/ học viên.

2. Cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet, hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử của các CTLKNN theo hình thức trực tuyến hoặc hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng; có các phương tiện nghe nhìn bao gồm: máy tính, màn hình, màn chiếu, máy chiếu có độ lớn phù hợp với phòng học; đường truyền kết nối ổn định, thông suốt; học liệu trực tuyến có nội dung phù hợp với ngành học và có thể truy cập liên tục với tốc độ cao; phương tiện thu âm, ghi hình lưu trữ quá trình tổ chức đào tạo phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra; Có hệ thống và cơ chế kiểm tra, xác thực, giám sát và đánh giá được sự tham gia của người học; hệ thống quản lý đào tạo chặt chẽ, đáp ứng được khả năng xử lý thông tin nhanh, có độ chính xác cao.

3. CSĐT thực hiện liên kết đào tạo phải cung cấp đầy đủ giáo trình, học liệu, thư viện điện tử, phần mềm học tập, hướng dẫn sử dụng các bước truy cập hệ thống quản lý học tập trực tuyến, cung cấp tài khoản người dùng và mật khẩu, các hướng dẫn ban đầu về khóa học cũng như việc kiểm tra đánh giá toàn khóa học, đồng thời phải có quy định về lưu trữ và bảo mật thông tin cho CTLKNN.

4. Địa điểm tổ chức CTLKNN:

a) Đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến: được thực hiện tại trụ sở chính hoặc phân hiệu của CSĐT xác định trong hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo và được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

b) Đối với hình thức liên kết đào tạo trực tiếp không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính của CSĐT được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 14. Tài chính

1. Cơ chế quản lý tài chính

a) CSĐT được xây dựng định mức thu học phí của đề án theo đúng với thỏa thuận hợp tác đã được ký kết với CSNN và đảm bảo nguyên tắc bù đắp chi phí hoạt động liên kết đào tạo, có tích lũy để tái đầu tư, phát triển làm cơ sở tổ chức thực hiện và đưa vào nội dung Đề án. Mức thu học phí từng chương trình liên kết phải được công khai với người học trước khi tuyển sinh.

b) CSĐT xây dựng định mức chi (trong đó tối thiểu phải có các nội dung về lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học; học liệu, tài liệu học tập; chi cho kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, chi học bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên của trường, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định trên nguyên tắc đúng tỷ lệ % theo quy định của Pháp luật) trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, phù hợp với nội dung của hồ sơ CTLKNN đã được phê duyệt, đảm bảo yêu cầu thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo mức lương tối thiểu đối với người lao động tham gia hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài.

c) Các quy định về định mức thu, chi tài chính phải được phản ánh trong quy chế chi tiêu nội bộ của CSĐT. Các nội dung thu, chi phải có hóa đơn, chứng từ, tài liệu kế toán ... phản ánh và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ kế toán của CSĐT theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Theo dõi từng chương trình liên kết đào tạo để có cơ sở báo cáo với các cơ quan liên quan khi có yêu cầu.

2. Nguồn thu của CTLKNN

a) Nguồn thu từ học phí, lệ phí.

b) Viện trợ không hoàn lại, các nguồn hỗ trợ bằng hiện vật, hiện kim, nguồn đóng góp tự nguyện của cá nhân trong và ngoài nước nhằm phục vụ cho CTLKNN.

c) Tất cả các nguồn thu liên kết đào tạo (liên quan đến hoạt động liên kết thực hiện tại CSĐT) phải được phản ánh và hạch toán đầy đủ vào hệ thống sổ kế toán của CSĐT; nguồn thu chuyển vào tài khoản của CSĐT mở tại tổ chức tín dụng tại Việt Nam; và CSĐT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách với Nhà nước.

Chương II

CHỦ TRƯỞNG, XÂY DỰNG, PHÊ DUYỆT CẤP PHÉP VÀ GIA HẠN HỒ SƠ CTLKNN

Điều 15. Chủ trương phê duyệt liên kết đào tạo

CSĐT trình ĐHQG-HCM văn bản về việc chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài (theo Mẫu số 01 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này). Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét và phê duyệt chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của CSĐT.

Điều 16. Hồ sơ xin cấp phép CTLKNN

1. Đơn đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt) do các bên liên kết cùng ký (theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2. Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác và các phụ lục đính kèm (nếu có) giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt), trong đó có thông tin chi tiết về các bên liên kết, trách nhiệm của các bên liên kết đối với các nội dung cam kết cụ thể về chương trình, tài liệu học tập và giảng dạy, giảng viên, cơ sở vật chất, kiểm tra, đánh giá, văn bằng, thông tin về tài chính và các nội dung khác.

3. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

4. Giấy tờ chứng minh CSĐT và CSNN được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

5. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

6. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của ĐHQG-HCM đối với CSĐT.

7. Đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài do các bên liên kết xây dựng (theo Mẫu số 03 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), bao gồm các nội dung chủ yếu: Sự cần thiết, mục tiêu của liên kết; giới thiệu các bên liên kết; nội dung liên kết; ngành và trình độ đào tạo; hình thức đào tạo; cơ sở vật chất, thiết bị; chương trình đào tạo liên kết nước ngoài và nội dung giảng dạy; danh sách giảng viên dự kiến kèm theo lý lịch khoa học (hồ sơ cần thể hiện rõ chuyên môn được đào tạo, trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ hoặc minh chứng cơ sở giáo dục đã tốt nghiệp phù hợp với ngoại ngữ, nhóm ngành liên kết và môn học mà giảng viên phụ trách); đối tượng và phương thức tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; văn bằng sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng của nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; biện pháp bảo đảm chất lượng giáo dục, quyền lợi của người học và người lao động; bộ phận phụ trách liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện CSĐT và CSNN tham gia quản lý chương trình; mức học phí, hỗ trợ tài chính của cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có), dự toán kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học.

- Nội dung về đảm bảo chất lượng giáo dục trong đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài phải mô tả rõ về: Cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối Internet, hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử phục vụ cho hoạt động tổ chức, quản lý liên kết đào tạo trực tuyến; việc đáp ứng đầy đủ các quy định đối với giảng viên tham gia thực hiện chương trình liên kết; quy định về bảo đảm chất lượng để người học tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo tại Việt Nam được nhận văn bằng do CSNN cấp so sánh được với văn bằng cấp cho người học tốt nghiệp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài.

- Nội dung về quyền lợi của người học và người lao động phải được quy định rõ về phương án xử lý rủi ro khi thực hiện CTLKNN, đặc biệt là khi chương trình bị gián đoạn hoặc kết thúc trước thời hạn trong đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài và thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.

- Nội dung về tài chính bao gồm: dự toán tài chính của chương trình; định mức học phí của đề án để làm cơ sở tổ chức thực hiện; mức chi học bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên của trường; nghĩa vụ nộp thuế, các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định; quản lý sử dụng nguồn thu theo quy định.

Điều 17. Thẩm quyền phê duyệt

Giám đốc ĐHQG-HCM có thẩm quyền phê duyệt, gia hạn, điều chỉnh và chấm dứt hồ sơ CTLKNN đối với hình thức liên kết trực tiếp, liên kết trực tuyến và liên kết trực tiếp kết hợp với trực tuyến của CSĐT trừ các ngành đào tạo giáo viên, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe, quốc phòng an ninh.

Điều 18. Thủ tục phê duyệt cấp phép CTLKNN

1. CSĐT gửi hồ sơ CTLKNN theo quy định tại Điều 16 Quy định này đến ĐHQG-HCM.

2. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định, ĐHQG-HCM sẽ thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ CTLKNN.

3. Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua, CSĐT tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ CTLKNN theo góp ý của Hội đồng thẩm định và trình ĐHQG-HCM 01 bộ hồ sơ gốc. ĐHQG-HCM sẽ xem xét quyết định phê duyệt cấp phép CTLKNN của CSĐT (theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

4. Trường hợp hồ sơ không được Hội đồng thẩm định thông qua, ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho CSĐT.

Điều 19. Thời hạn liên kết

1. Thời hạn hoạt động của CTLKNN không quá 05 năm kể từ ngày được phê duyệt và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm và không quá thời hạn thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết.

2. CSĐT tự liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định hoặc vi phạm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong đề án liên kết đào tạo với nước ngoài thì bị

đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo, không được liên kết đào tạo với nước ngoài trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Hội đồng thẩm định

1. Giám đốc ĐHQG-HCM thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ CTLKNN. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm có:

a) Chủ tịch: Đại diện Ban Giám đốc ĐHQG-HCM.

b) Phó Chủ tịch: Lãnh đạo Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

c) Ủy viên: Lãnh đạo các Ban chức năng, Trung tâm có liên quan: Ban Đào tạo, Ban Tổ chức-Cán bộ, Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Thanh tra - Pháp chế và Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo.

d) Ủy viên phản biện (đối với trường hợp cấp phép CTLKNN): đại diện các chuyên gia có chuyên môn sâu về ngành đào tạo, đại diện các đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành đào tạo (lấy ý kiến ít nhất của 02 chuyên gia có thâm niên công tác trong lĩnh vực có liên quan đến CTLKNN đang được thẩm định có trình độ từ thạc sĩ trở lên, có kinh nghiệm quản lý tại các doanh nghiệp/ khoa/bộ môn, có tham gia giảng dạy hoặc quản lý các CTLKNN, và không có tên trong danh sách giảng viên dự kiến giảng dạy CTLKNN đang được thẩm định).

đ) Thư ký: chuyên viên Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thẩm định hồ sơ CTLKNN và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các kết quả thẩm định; tư vấn cho Giám đốc ĐHQG-HCM trong việc phê duyệt cấp phép/gia hạn CTLKNN.

Điều 21. Hồ sơ gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết đào tạo

1. Việc gia hạn liên kết đào tạo phải thực hiện trong thời hạn 06 tháng trước khi hết hạn liên kết đào tạo. Việc điều chỉnh liên kết đào tạo thực hiện khi có yêu cầu của các bên liên kết.

2. Điều kiện gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết đào tạo

a) Các bên liên kết thực hiện đúng các nội dung quy định trong quyết định phê duyệt cấp phép hoặc quyết định gia hạn CTLKNN.

b) Không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài.

c) Chương trình liên kết đào tạo tiếp tục đáp ứng các điều kiện về kiểm định chất lượng giáo dục.

d) CSĐT tiến hành thủ tục điều chỉnh liên kết đào tạo nếu có thay đổi nội dung trong hồ sơ đề án, quyết định cấp phép/gia hạn các CTLKNN do ĐHQG-HCM phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt) do các bên liên kết cùng ký (theo Mẫu số 05 tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này).

b) Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép kèm hồ sơ minh chứng (theo Mẫu số 06 tại phụ lục ban hành kèm theo quy định này).

c) Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác giữa các bên liên kết đang còn hiệu lực (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt).

d) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của CSNN hoặc giấy tờ công nhận chất lượng chương trình đào tạo của cơ quan có thẩm quyền còn thời hạn.

đ) Văn bản kiến nghị các nội dung điều chỉnh trong Quyết định phê duyệt cấp phép hoặc quyết định gia hạn và giải trình (nếu có).

4. Thẩm quyền, thủ tục phê duyệt gia hạn hoặc điều chỉnh CTLKNN

a) Các bên liên kết gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến ĐHQG-HCM.

b) Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, ĐHQG-HCM sẽ tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định (theo quy định tại Điều 20, không bao gồm ủy viên phản biện) và tổ chức thẩm định hồ sơ gia hạn CTLKNN.

c) Sau khi được Hội đồng thẩm định thông qua, CSĐT tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo góp ý của Hội đồng thẩm định và trình ĐHQG-HCM 01 bộ hồ sơ gốc. ĐHQG-HCM sẽ xem xét quyết định gia hạn CTLKNN của CSĐT.

d) Trường hợp hồ sơ gia hạn không được Hội đồng thẩm định thông qua, ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản cho CSĐT sau 05 ngày làm việc.

đ) Giám đốc ĐHQG-HCM có văn bản phê duyệt việc điều chỉnh CTLKNN sau khi có ý kiến tham mưu của các Ban chuyên môn có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Điều 22. Điều kiện tuyển sinh

1. CSĐT chỉ được thông báo tuyển sinh và thực hiện tuyển sinh CTLKNN sau khi có quyết định phê duyệt cấp phép hoặc quyết định gia hạn của ĐHQG-HCM.

2. CSĐT xây dựng quy định về tuyển sinh CTLKNN tại CSĐT và công bố công khai cho thí sinh trước thời điểm tuyển sinh.

Điều 23. Kế hoạch thực hiện

CSĐT lập kế hoạch tuyển sinh và báo cáo ĐHQG-HCM vào tháng 01 hằng năm. Nếu có thay đổi kế hoạch tuyển sinh, CSĐT báo cáo ĐHQG-HCM chậm nhất 01 tháng trước khi tổ chức tuyển sinh và thông báo công khai cho thí sinh.

Điều 24. Thông báo tuyển sinh

CSĐT thông báo tuyển sinh trước khi tổ chức tuyển sinh 02 tháng. Nội dung thông báo phải đảm bảo đầy đủ các thông tin và đúng theo quyết định cấp phép/gia hạn/điều chỉnh của ĐHQG-HCM: hình thức liên kết, ngành/chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, đối tượng tuyển sinh, điều kiện ngoại ngữ và bồi dưỡng ngoại ngữ nếu có, kiểm định chương trình, lệ phí tuyển sinh, mức học phí, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ, văn bằng, cơ sở liên kết đào tạo.

Điều 25. Hội đồng tuyển sinh

1. Thủ trưởng CSĐT quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh CTLKNN hoặc thành lập Hội đồng tuyển sinh chung với tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh thạc sĩ, tuyển sinh tiến sĩ (sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển sinh) để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh. Thành phần Hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành, trong đó có thể có sự tham gia của đại diện CSNN.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai công tác tuyển sinh theo hồ sơ CTLKNN đã được ĐHQG-HCM phê duyệt;

b) Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hệ chính quy hiện hành và các quy định có liên quan của CSĐT.

Điều 26. Xét trúng tuyển và công bố kết quả tuyển sinh và nhập học

1. CSĐT căn cứ các tiêu chí tuyển sinh đã công bố cho thí sinh và dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh CTLKNN để xét duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

2. CSĐT ra quyết định trúng tuyển cho từng ngành học, từng CTLKNN (nêu rõ đối tượng trúng tuyển và ngoại ngữ đầu vào của thí sinh), công bố công khai kết quả trúng tuyển và thông báo cho thí sinh làm thủ tục nhập học.

3. CSĐT ban hành quyết định nhập học theo từng ngành học, từng CTLKNN dựa trên danh sách thí sinh đã đăng ký nhập học.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 27. Học viên CTLKNN

1. Học viên chính thức là các thí sinh đã trúng tuyển vào CTLKNN, đáp ứng điều kiện tuyển sinh và điều kiện ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại Điều 9 Quy định này, đã hoàn tất các thủ tục nhập học và được học chương trình chính khóa.

2. Đối với các học viên chưa đủ điều kiện ngoại ngữ đầu vào, học viên cần phải bổ sung chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định hoặc tham gia lớp đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ do CSĐT tổ chức (nếu có) và đạt điều kiện ngoại ngữ theo đúng quy định thì mới được tham gia học chương trình chính khóa.

Điều 28. Tổ chức đào tạo

Đối với CTLKNN học tại Việt Nam hoặc một phần chương trình đào tạo tại Việt Nam, công tác đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM và các quy định học vụ của CSĐT.

Điều 29. Chuyển giai đoạn (chuyển tiếp)

Quy định này áp dụng đối với chương trình liên kết đào tạo một phần học tại CSĐT và một phần học tại CSNN.

1. CSĐT xét duyệt kết quả học tập giai đoạn học tại CSĐT và điều kiện ngoại ngữ để xét chuyển tiếp cho học viên học tiếp tại CSNN. CSĐT hướng dẫn học viên hoàn thành các thủ tục để có thể chuyển tiếp.

2. Đối với học viên đủ điều kiện chuyển tiếp, CSĐT ban hành quyết định kèm danh sách học viên chuyển tiếp (ghi rõ kết quả học tập, chương trình đào tạo, đối tác sau khi chuyển tiếp) và thực hiện quản lý học viên đã chuyển tiếp (học viên học tại CSNN) phù hợp với quy định của pháp luật về bảo mật thông tin cá nhân của học viên.

Điều 30. Điều kiện tốt nghiệp và cấp văn bằng

1. Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình đào tạo, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM nếu cấp văn bằng của CSĐT hoặc theo quy định của pháp luật nước ngoài nếu cấp văn bằng của CSNN.

2. Điều kiện được công nhận tốt nghiệp để cấp văn bằng của CSĐT theo quy chế đào tạo đại học, Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHQG-HCM hiện hành.

3. Văn bằng của người học theo CTLKNN được quy định như sau:

a) Văn bằng do CSĐT cấp phải tuân thủ quy chế văn bằng, chứng chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM về quản lý và cấp phát văn bằng.

b) Văn bằng do CSNN cấp phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền về giáo dục của nước sở tại công nhận và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công nhận.

c) CSĐT bổ sung mẫu văn bằng vào hồ sơ quản lý CTLKNN tại CSĐT.

d) Đối với các CTLKNN học hoàn toàn tại Việt Nam do CSNN cấp bằng, CSĐT phải lập sổ gốc văn bằng và lưu hồ sơ tốt nghiệp của học viên.

Chương V CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ LƯU TRỮ

Điều 31. Chế độ báo cáo

1. CSĐT báo cáo việc thực hiện CTLKNN cho ĐHQG-HCM trước ngày 31 tháng 10 hằng năm (theo mẫu số 08 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

2. ĐHQG-HCM tổng hợp về tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý CTLKNN trình độ đại học và báo cáo Bộ GD&ĐT trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

3. ĐHQG-HCM và CSĐT có trách nhiệm phối hợp với các Bộ/ngành chuyên môn để cập nhật thông tin về các CTLKNN và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trên.

Điều 32. Lưu trữ

Lưu trữ vĩnh viễn hồ sơ liên kết đào tạo, thông tin người học tại CSĐT và CSNN.

Chương VI KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 33. Kiểm tra, thanh tra

1. ĐHQG-HCM tổ chức các đoàn kiểm tra đến các CSĐT để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện CTLKNN theo kế hoạch.

2. CSĐT có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ về thực hiện CTLKNN theo quy định hiện hành; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của ĐHQG-HCM và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

Điều 34. Đình chỉ tuyển sinh hoặc chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh nếu không bảo đảm một trong các nội dung đã nêu tại quy định này.

2. Trách nhiệm của CSĐT khi liên kết đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh

a) Khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh.

b) Bảo đảm người học đang theo học liên kết đào tạo được tiếp tục học tập.

c) Báo cáo Giám đốc ĐHQG-HCM về kết quả khắc phục các vi phạm dẫn đến đình chỉ tuyển sinh để cho phép hoạt động trở lại.

3. Liên kết đào tạo chấm dứt trong những trường hợp sau đây

a) Hết thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo.

b) Theo đề nghị của các bên liên kết.

c) Hết thời hạn đình chỉ tuyển sinh nhưng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến đình chỉ tuyển sinh.

d) Vi phạm quy định của quyết định phê duyệt hoặc quyết định gia hạn hoặc quyết định điều chỉnh liên kết đào tạo ở mức độ pháp luật quy định phải chấm dứt.

đ) Đã bị đình chỉ và không khắc phục được vi phạm để bảo đảm các nội dung tại quy định này.

4. Trách nhiệm của CSĐT khi liên kết đào tạo bị chấm dứt hoạt động

a) Liên hệ để chuyển số học viên đã được tuyển sinh theo quy định sang cơ sở giáo dục khác.

b) Bồi hoàn cho người học các khoản chi phí người học đã nộp đối với trường hợp cung cấp chương trình đào tạo và cấp văn bằng không được Bộ GD&ĐT công nhận hoặc liên kết đào tạo bị đình chỉ hoặc bị chấm dứt hoạt động mà người học không được hoặc không muốn chuyển sang học ở cơ sở giáo dục khác.

c) Thanh toán các khoản thù lao giảng dạy, các quyền lợi khác của giảng viên và người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết hoặc thỏa ước lao động tập thể.

d) Thanh toán các khoản nợ thuế (nếu có) và các khoản nợ khác.

5. Thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục chấm dứt liên kết

a) Giám đốc ĐHQG-HCM có thẩm quyền chấm dứt liên kết đào tạo được quy định tại Điều 17 Quy định này.

b) Đơn đề nghị chấm dứt liên kết (theo Mẫu số 07 tại phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), trong đó nêu rõ lý do chấm dứt, kèm theo phương án chấm dứt liên kết, các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người học, người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản.

c) Hồ sơ đề nghị chấm dứt liên kết được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến ĐHQG-HCM.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ĐHQG-HCM sẽ thẩm định hồ sơ, quyết định chấm dứt liên kết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; nếu liên kết đào tạo chưa được chấm dứt thì ĐHQG-HCM có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

đ) Sau khi ĐHQG-HCM có quyết định cho phép CSĐT chấm dứt CTLKNN, CSĐT thông báo về việc ngừng CTLKNN trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

e) Cơ sở giáo dục đại học tự liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định hoặc vi phạm điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục trong đề án liên kết đào tạo với nước ngoài thì bị đình chỉ hoạt động liên kết đào tạo, không được tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài trong thời hạn 05 năm, kể từ khi có kết luận về việc vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Trách nhiệm của các Ban chức năng, Trung tâm có liên quan

1. Ban Đối ngoại và Phát triển dự án

a) Là đơn vị đầu mối giúp Ban Giám đốc thực hiện việc quản lý hoạt động đào tạo đối với CTLKNN.

b) Chủ trì, thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo tại Điều 31 và Điều 33 của quy định này.

c) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép/gia hạn/điều chỉnh; dự trù kinh phí tổ chức thẩm định các CTLKNN và trình Ban Giám đốc phê duyệt.

d) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Ban Đối ngoại và Phát triển dự án tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

đ) Có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Ban chức năng, Trung tâm có liên quan quản lý các CTLKNN theo chức năng, nhiệm vụ đã được Ban Giám đốc giao.

e) Chủ trì phối hợp với các Ban chức năng, Trung tâm có liên quan thẩm tra và lập tờ trình trình Ban Giám đốc ra quyết định đình chỉ hoặc chấm dứt việc tổ chức thực hiện CTLKNN và xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định của văn bản này, hoặc văn bản thông báo vi phạm từ các cơ sở quản lý các lĩnh vực liên quan đến nội dung trên.

g) Thực hiện lưu trữ các tài liệu/hồ sơ liên quan đến quá trình cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, quản lý và kiểm tra các CTLKNN.

2. Ban Đào tạo

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Ban Đào tạo tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ CTLKNN và đề nghị từ Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

c) Phối hợp với Ban Đối ngoại và Phát triển Dự án trong công tác kiểm tra, giám sát, quản lý CTLKNN đã được Giám đốc ĐHQG-HCM cấp phép/gia hạn; chịu trách nhiệm quản lý đào tạo đối với giai đoạn đào tạo tại Việt Nam theo quy định hiện hành.

d) Nếu phát hiện việc tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, thông báo bằng văn bản đến Ban Đối ngoại và Phát triển dự án và cùng phối hợp với Ban Đối ngoại và Phát triển dự án trong việc tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ban Kế hoạch - Tài chính

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Ban Kế hoạch - Tài chính tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ CTLKNN và đề nghị từ Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

c) Phối hợp với Ban Đối ngoại và Phát triển dự án quản lý CTLKNN đã được Giám đốc ĐHQG-HCM cấp phép/gia hạn đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý (tài chính, cơ sở vật chất, quy mô tuyển sinh) theo quy định hiện hành.

d) Nếu phát hiện CSĐT tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Ban Kế hoạch – Tài chính thông báo bằng văn bản đến Ban

Đổi ngoại và Phát triển dự án và cùng với Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án trong việc tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Ban Tổ chức - Cán bộ

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Ban Tổ chức - Cán bộ tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án.

c) Phối hợp với Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án quản lý CTLKNN đã được Giám đốc ĐHQG-HCM cấp phép/gia hạn đối với nội dung thuộc trách nhiệm quản lý (đội ngũ giảng viên, nhân sự ban quản lý, ban điều hành, các nhân sự CTLKNN phía Việt Nam) theo quy định hiện hành.

d) Nếu phát hiện CSĐT tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Ban Tổ chức – Cán bộ thông báo bằng văn bản đến Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án và cùng phối hợp trong việc báo cáo, kiến nghị với Ban Giám đốc chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

5. Ban Thanh tra - Pháp chế

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Ban Thanh tra - Pháp chế tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực quản lý khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án.

c) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài trong phạm vi quyền hạn theo quy định của pháp luật và quy định của ĐHQG-HCM.

d) Thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan CTLKNN, trong thẩm quyền quản lý của ĐHQG-HCM theo quy định của pháp luật.

đ) Nếu phát hiện CSĐT tổ chức thực hiện CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định tại Quy định này, Ban Thanh tra - Pháp chế thông báo bằng văn bản đến Ban Đổi ngoại và Phát triển dự án và cùng phối hợp trong việc tổng hợp, báo cáo, kiến nghị với Ban Giám đốc chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

e) Kiến nghị với Ban Giám đốc các biện pháp xử lý sai phạm trong quá trình thực hiện CTLKNN.

g) Thực hiện các công việc khác có liên quan đến CTLKNN theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc.

6. Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo

a) Cử thành viên có đủ năng lực đại diện Trung tâm tham gia hội đồng thẩm định, đoàn kiểm tra theo quyết định của Ban Giám đốc.

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản về lĩnh vực chuyên môn khi nhận được hồ sơ liên quan đến các CTLKNN và đề nghị từ Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

c) Có trách nhiệm thẩm định tính hợp pháp của Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền khi có đề nghị từ Ban Đối ngoại và Phát triển dự án;

d) Phối hợp với Ban Đối ngoại và Phát triển dự án quản lý CTLKNN đã được Giám đốc ĐHQG-HCM cấp phép/gia hạn đối với nội dung thuộc chuyên môn của đơn vị (biện pháp bảo đảm chất lượng, quản lý rủi ro của CTLKNN) theo quy định hiện hành.

đ) Nếu phát hiện việc tổ chức tuyển sinh, quản lý đào tạo các CTLKNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật và các quy định của quy định này, Trung tâm thông báo bằng văn bản đến Ban Đối ngoại và Phát triển dự án. Ban Đối ngoại và Phát triển dự án tổng hợp, báo cáo Ban Giám đốc chỉ đạo xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng từng phần hay toàn bộ theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, tùy theo yêu cầu thực tế, Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc theo sự sửa đổi, bổ sung của quy định hiện hành của nhà nước. Việc sửa đổi Quy định này do Giám đốc ĐHQG-HCM xem xét và quyết định./.

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày ...tháng...năm 2022
của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên mẫu	Nội dung
Mẫu số 01	Chủ trương mở chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu số 02	Đơn đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu số 03	Đề án thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu số 05	Đơn đề nghị gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết với nước ngoài
Mẫu số 06	Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ ngành của trường và từ ... đến (dành cho hồ sơ gia hạn CTLKNN)
Mẫu số 07	Đơn đề nghị chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài
Mẫu số 08	Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ hằng năm tại CSĐT

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
CSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng... năm...

V/v chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ

Kính gửi: Ban Giám đốc ĐHQG-HCM.

1. Giới thiệu tổng quát về các bên liên kết đào tạo
 - Giới thiệu các bên tham gia liên kết đào tạo;
 - Thông tin về kiểm định cơ sở giáo dục của các bên liên kết (*đính kèm minh chứng kiểm định của các bên tham gia liên kết*);
 2. Thông tin về chương trình liên kết
 - a) Sự cần thiết
 - b) Mục tiêu xây dựng chương trình liên kết ngành
 - c) Tuyển sinh và quản lý đào tạo
 - Tên ngành/chương trình đào tạo (nêu rõ tên tiếng Việt, tiếng Anh)
 - Trình độ đào tạo
 - Đối tượng tuyển sinh
 - Phương thức tuyển sinh
 - Điều kiện ngoại ngữ đầu vào
 - Văn bằng (bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài), đơn vị cấp bằng.
 - Hình thức liên kết đào tạo.
 - Chương trình đào tạo (*nêu rõ chương trình do cơ sở giáo dục nước ngoài cung cấp hay chương trình do hai bên cùng xây dựng, đính kèm khung chương trình*)
 - Thông tin về kiểm định chương trình đào tạo.
 - Mô hình quản lý và vận hành chương trình.
 - d) Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính, học phí dự kiến
- Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

Thủ trưởng CSĐT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài(1).....

Kính gửi:(2).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam(3).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

- Quyết định thành lập:(4)

Bên nước ngoài:.....(5)

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

- Giấy phép thành lập:(6).....

đề nghị.....(2).....xem xét, phê duyệt liên kết đào tạo(1)..... giữa(3).....và(5)..... với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết: (Ghi tóm tắt lĩnh vực dự định liên kết, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hằng năm và văn bằng sẽ cấp theo liên kết).

2. Thời hạn hoạt động của liên kết:

3. Nội dung liên kết (ghi tóm tắt):

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến liên kết đào tạo với nước ngoài.

Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết.
2. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.
3. Giấy tờ chứng minh ngành, chuyên ngành được phép đào tạo của cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.
4. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.
5. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam.
6. Đề án thực hiện liên kết đào tạo.
7. Các văn bản khác (nếu có).

BÊN VIỆT NAM
(Ký tên, đóng dấu)

BÊN NƯỚC NGOÀI
(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Ngành và trình độ đào tạo đề nghị liên kết;
- (2) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo;
- (3) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;
- (4) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (5) Tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (6) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của cơ sở giáo dục nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐỀ ÁN

**Thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài
trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ giữa và**

(Mẫu gồm các nội dung chính, dùng để các bên liên kết tham khảo)

I. SỰ CẦN THIẾT

Mô tả sự cần thiết thực hiện liên kết đào tạo.

II. GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN KẾT

1. Giới thiệu các bên liên kết.
2. Quá trình hợp tác giữa các bên.
3. Việc kiểm định của các bên liên kết.

III. NỘI DUNG LIÊN KẾT

1. Mục tiêu: Giới thiệu tóm tắt chuẩn đầu ra của liên kết.
2. Đối tượng tuyển sinh, quy mô tuyển sinh.
3. Thời gian và chương trình đào tạo: Nêu rõ thời gian, hình thức, phương thức thực hiện chương trình đào tạo:
4. Tổ chức thực hiện liên kết đào tạo: Giảng dạy, thi, kiểm tra, tín chỉ, tốt nghiệp, phối hợp giảng dạy giữa giảng viên Việt Nam, giảng viên nước ngoài...
5. Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ (nếu có) dự kiến sẽ cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam và khả năng học tiếp lên các trình độ cao hơn đối với người được cấp văn bằng tốt nghiệp của liên kết đào tạo.
6. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện.
7. Cơ sở vật chất, thiết bị sẽ sử dụng cho liên kết đào tạo, địa điểm thực hiện liên kết.
8. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy liên kết đào tạo (danh sách trích ngang, lý lịch khoa học và các minh chứng về trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng ngoại ngữ đính kèm thành phụ lục).
9. Giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác...

IV. TÀI CHÍNH

Dự toán thu chi CTLKNN

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG CHO PHÉP	GHI CHÚ

I	TỔNG THU				
1	Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)				Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính
2	Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên			3%	
3	Số tiền thực thu [1-2]				
II	TỔNG CHI				
1	Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu			3%	theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài
2	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh			10%	
3	Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm			33%	
4	Chi phí coi thi, chấm thi			2%	
5	Tiền học bổng khuyến khích học tập			3%	
6	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN			8%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo				Nếu có
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp				theo quy định của Pháp luật
9	Thuế nhà thầu				theo quy định của Pháp luật
10	Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành				
III	CHÊNH LỆCH THU - CHI				
IV	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH				theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC

1. Học phí: Mức thu học phí bằng Việt Nam đồng (toàn khóa học, chi tiết theo từng năm học).

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.

3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).

4. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo từ năm đến năm

....

V. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.
2. Biện pháp quản lý rủi ro, bảo đảm quyền và lợi ích của người học trong trường hợp liên kết đào tạo chấm dứt trước thời hạn.

VI. CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN KẾT

1. Cơ cấu tổ chức quản lý liên kết đào tạo, người đại diện các bên liên kết tham gia quản lý (kèm theo lý lịch khoa học kèm trong Phụ lục).
2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết.
3. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học và các bên liên quan khác.

Phụ lục kèm theo (Lý lịch khoa học, đề cương chi tiết các môn học, các văn bản kèm theo,)

Thủ trưởng CSĐT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài

.....(1).....

..... (2)

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-ĐHQG ngày ... tháng ... năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Quy định liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của(4)..... và(6)..... tại hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo(1)..... ngày ... tháng ... năm

Xét đề nghị của(3).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt liên kết đào tạo(1)..... giữa các Bên:

Bên Việt Nam:(4).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

- Quyết định thành lập:(5).....

Bên nước ngoài:(6).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:.....
- Website:.....
- Giấy phép thành lập:(7).....

Điều 2. Các Bên liên kết có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam, những cam kết, kế hoạch được trình bày trong Hồ sơ đề nghị phê duyệt liên kết đào tạo với những nội dung chính sau:

1. Đối tượng tuyển sinh:(8).....
2. Thời gian và chương trình đào tạo:(9).....
3. Ngôn ngữ giảng dạy:(10).....
4. Đội ngũ giảng viên:(11).....
5. Quy mô đào tạo:(12).....
6. Địa điểm đào tạo:(13).....
7. Văn bằng được cấp:(14).....
8. Kinh phí đào tạo và quản lý tài chính:(15).....

Điều 3. Sau mỗi năm học(16)..... chịu trách nhiệm báo cáo(17)..... về các hoạt động liên quan đến việc tổ chức thực hiện và quản lý liên kết đào tạo và định kỳ 6 tháng một lần cập nhật cơ sở dữ liệu về liên kết đào tạo với nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

.....(18)..... chịu trách nhiệm kiểm tra và phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra công tác tổ chức thực hiện và quản lý liên kết của các bên liên kết theo Quyết định này và Hồ sơ liên kết đã phê duyệt.

Điều 4. Thời hạn hoạt động của liên kết đào tạo là

Điều 5. Hiệu lực của quyết định; cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

-

- Lưu: VT, Ban ĐN&PTDA.

..... (2)

(Ký, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên liên kết đào tạo, ngành và trình độ đào tạo;
- (2) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo;
- (3) Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo;
- (4) Tên của bên liên kết Việt Nam;
- (5) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của bên liên kết Việt Nam, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (6) Tên của bên liên kết nước ngoài;
- (7) Số, ký hiệu văn bản pháp lý thể hiện tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản;
- (8) Yêu cầu về đối tượng tuyển sinh, trình độ đầu vào, năng lực sử dụng ngoại ngữ và các yêu cầu khác;
- (9) Thời gian học (năm học hoặc học kỳ), hình thức, phương thức liên kết đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo;
- (10) Ngoại ngữ sử dụng trong quá trình giảng dạy;
- (11) Quy định về giảng viên tham gia đào tạo (trình độ chuyên môn và năng lực sử dụng ngoại ngữ)
- (12) Số lượng tuyển sinh mỗi khóa, số khóa tuyển sinh/năm;
- (13) Địa chỉ thực hiện liên kết đào tạo;
- (14) Tên bằng tốt nghiệp và tên cơ sở giáo dục cấp bằng tốt nghiệp;

- (15) Mức thu học phí (toàn khóa học hoặc theo năm học), nguồn kinh phí tài trợ (nếu có);
- (16) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam và tên cơ sở giáo dục nước ngoài;
- (17) Tên đơn vị nhận báo cáo;
- (18) Tên đơn vị được giao nhiệm vụ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Gia hạn (hoặc điều chỉnh) liên kết đào tạo với nước ngoài
..... (1)

Kính gửi: (2)

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam:(3).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

Bên nước ngoài: (4).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

Đã được cho phép thực hiện liên kết:(1)..... theo Quyết định số (5)

Đề nghị(2)..... phê duyệt gia hạn liên kết nêu trên trong thời hạn

Nội dung và lý do đề nghị:

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và tính chính xác của nội dung trong Đơn đề nghị gia hạn và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến liên kết đào tạo với nước ngoài.

Tài liệu gửi kèm theo gồm:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép;

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt);

3. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài;

4. Kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong Quyết định phê duyệt liên kết và giải trình.

BÊN VIỆT NAM

(Ký tên, đóng dấu)

BÊN NƯỚC NGOÀI

(Ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngành và trình độ đào tạo đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh liên kết (nếu có);

(2) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt liên kết;

(3) Tên cơ sở giáo dục Việt Nam;

(4) Tên cơ sở, tổ chức nước ngoài;

(5) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
CSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng... năm...

V/v báo cáo tổng kết thực hiện
chương trình liên kết đào tạo trình độ đại
học/thạc sĩ/tiến sĩ ngành của Trường
..... và

Kính gửi: Ban Giám đốc ĐHQG-HCM.

I. Tổng quan về chương trình liên kết

1. Cơ sở pháp lý (Nêu các Quyết định cấp phép/gia hạn của ĐHQG-HCM từ khi bắt đầu đào tạo)

2. Ngành, trình độ, hình thức liên kết đào tạo và cấp văn bằng

- Tên ngành/chương trình đào tạo:
- Trình độ đào tạo:
- Hình thức liên kết (học tại Việt Nam hoặc một phần học tại Việt Nam và một phần học tại nước ngoài):
- Văn bằng (nêu tên văn bằng tiếng Anh, tiếng Việt):

3. Địa điểm đào tạo (nêu địa điểm đào tạo từng giai đoạn, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, website, người đại diện của các bên liên kết):

II. Tình hình thực hiện chương trình liên kết

1. Công tác tuyển sinh (Mô tả thông tin và kết quả tuyển sinh đã thực hiện)

- Đối tượng tuyển sinh;
- Phương thức tuyển sinh (ghi rõ phương thức tuyển sinh của từ năm học nếu có thay đổi);
- Điều kiện ngoại ngữ đầu vào;
- Kết quả tuyển sinh (Nêu số khóa đã tuyển sinh, tổng số ứng viên đã trúng tuyển, nhập học theo từng khóa).

Bảng 1: Thống kê tình hình tuyển sinh

Năm học	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển/xét tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học	Số lượng chuyển từ chương trình khác vào	Số lượng đang học (quy mô)

Ghi chú: Quy mô đào tạo tính đến thời điểm hiện tại của từng năm học

2. Quản lý đào tạo

- Chương trình đào tạo (nêu rõ chương trình của nước ngoài hay chương trình do hai bên cùng xây dựng);

- Ngôn ngữ đào tạo (*nêu rõ ngôn ngữ giảng dạy cho từng giai đoạn*);
- Đơn vị phụ trách đào tạo;
- Phương pháp đánh giá môn học;
- Điều kiện chuyển tiếp;
- Điều kiện tốt nghiệp;
- Đánh giá hiệu quả trên tổng số học viên chuyển tiếp/tốt nghiệp.

Bảng 2: Thống kê số lượng học viên đang học, chuyển chương trình, thôi học, chuyển tiếp, tốt nghiệp theo từng khóa

Năm học	Số lượng nhập học	Số lượng chuyển từ chương trình khác vào	Số lượng thôi học	Số lượng tạm hoãn	Số lượng chuyển tiếp	Số lượng đang học (quy mô)	Số lượng tốt nghiệp	% chuyển tiếp/nhập học	% tốt nghiệp/nhập học

3. Giảng viên

- Tiêu chí tuyển chọn giảng viên tham gia CTLKNN;
- Tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị đã tham gia giảng dạy;
- Tổng số giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy.

Bảng 3: Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTLKNN

STT	Họ tên giảng viên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Nơi tốt nghiệp (học vị cao nhất)	Trình độ ngoại ngữ	Kinh nghiệm trong giảng dạy CTLKNN	Ngành giảng dạy (đối với CTLKNN)	Môn học tham gia giảng dạy (CTLKNN)	Ghi chú

Bảng 4: Giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy

STT	Họ tên giảng viên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Nơi tốt nghiệp (học vị cao nhất)	Trình độ ngoại ngữ	Kinh nghiệm trong giảng dạy CTLKNN	Ngành giảng dạy (đối với CTLKNN)	Môn học tham gia giảng dạy (CTLKNN)	Ghi chú

4. Cơ sở vật chất

- Số lượng, diện tích phòng học đã sử dụng cho CTLKNN (*số lượng phòng học sử dụng chung với chính quy, số lượng phòng học sử dụng riêng cho CTLKNN*);
- Thư viện, số đầu sách và nguồn học liệu,.... từ cơ sở giáo dục nước ngoài;
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành...(nếu có);

- Thiết bị, công thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet, hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 4 năm 2016; các phương tiện nghe nhìn bao gồm: máy tính, màn hình, màn chiếu, máy chiếu có độ lớn phù hợp với phòng học; đường truyền kết nối ổn định, thông suốt; học liệu trực tuyến có nội dung phù hợp với ngành học và có thể truy cập liên tục với tốc độ cao; phương tiện thu âm, ghi hình lưu trữ quá trình tổ chức đào tạo phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với các CTLKNN đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ **theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến**.

5. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo;
- Phương pháp quản lý, theo vết học viên trong quá trình đào tạo (tại CSĐT và sau khi chuyển tiếp);
- Các biện pháp hỗ trợ học viên trong quá trình học;
- Đánh giá mức độ hài lòng của học viên đối với CTLKNN trong quá trình đào tạo;
- Đánh giá của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với khả năng thích ứng công việc của học viên tốt nghiệp CTLKNN;
- Kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng chương trình.

6. Tài chính (Mức học phí, các khoản được hỗ trợ, các khoản hỗ trợ học viên kèm Bản quyết toán thu chi hàng năm đối với CTLKNN).

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	TỔNG THU			
1	Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)			Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá ngân hàng
2	Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên			
3	Số tiền thực thu [1-2]			
II	TỔNG CHI			
1	Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu			Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài
2	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh			
3	Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm			
4	Chi phí coi thi, chấm thi			
5	Tiền học bổng khuyến khích học tập			

6	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN			
7	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo			Nếu có
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp			Theo quy định của Pháp luật
9	Thuế nhà thầu			Theo quy định của Pháp luật
10	Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành			
III	CHÊNH LỆCH THU - CHI			
IV	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH			Theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC

1. Học phí: Mức thu học phí bằng Việt Nam đồng (toàn khóa học, chi tiết theo từng năm học)

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.

3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có).

4. Báo cáo tài chính của chương trình liên kết đào tạo giai đoạn trước: lập báo cáo thu – chi tài chính giai đoạn trước bao gồm đầy đủ các nội dung thu – chi cơ bản. Đối với thu học phí phải có số lượng học viên và mức thu của từng năm học, tối thiểu đối với các nội dung chi phải có lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị dạy học; học liệu, tài liệu học tập; chi cho kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, chi cho học bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên của trường, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định trên nguyên tắc đúng tỷ lệ % theo quy định của pháp luật và các văn bản liên quan.

5. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo từ năm ... đến năm..

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG CHO PHÉP	GHI CHÚ
I	TỔNG THU				
1	Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)				Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính
2	Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên			3%	
3	Số tiền thực thu [1-2]				
II	TỔNG CHI				

1	Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu			3%	theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài
2	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh			10%	
3	Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm			33%	
4	Chi phí coi thi, chấm thi			2%	
5	Tiền học bổng khuyến khích học tập			3%	
6	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN			8%	
7	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo				Nếu có
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp				theo quy định của Pháp luật
9	Thuế nhà thầu				theo quy định của Pháp luật
10	Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành				
III	CHÊNH LỆCH THU - CHI				
IV	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH				theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC

III. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn
2. Đánh giá về mức độ thành công của CTLKNN

IV. Kiến nghị và đề xuất

V. Các phụ lục kèm theo báo cáo

1. Các quyết định cho phép đào tạo CTLKNN của ĐHQG-HCM;

2. Hồ sơ minh chứng quá trình đào tạo

- Chương trình đào tạo;
- Thông báo tuyển sinh từng khóa;
- Danh sách học viên xét tuyển;
- Quyết định trúng tuyển, nhập học (nêu rõ trình độ ngoại ngữ SV đầu vào, đối tượng tuyển sinh);

- Danh sách học viên học chính thức/ học viên phải tham gia khóa học ngoại ngữ để đạt điều kiện đầu vào theo đúng quy định;
- Danh sách đội ngũ giảng viên, học vấn, trình độ ngoại ngữ và môn học tham gia giảng dạy từng khóa;
- Lịch trình giảng dạy/ thời khóa biểu từng khóa;
- Quyết định/thông báo danh sách học viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn học tại CSĐT, đủ điều kiện được học chuyển tiếp đối với từng khóa;
- Danh sách học viên thôi học hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học từng khóa (nêu rõ lý do);
- Danh sách học viên đã tốt nghiệp; Bản sao văn bằng được cấp;
- Sổ cấp văn bằng tốt nghiệp đối với các CTLKNN đào tạo hoàn toàn tại Việt Nam;
- Báo cáo thu chi quyết toán từng khóa đào tạo.

Thủ trưởng CSĐT
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài

Kính gửi:(1).....

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam:(2).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

Bên nước ngoài:(3).....

- Trụ sở:

- Điện thoại:

- Fax:

- Website:

đã được cho phép thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài theo Quyết định số:(4).....

Đề nghị... (1)... phê duyệt chấm dứt liên kết đào tạo với nước ngoài nêu trên kể từ ngày ...tháng... năm ...

Lý do đề nghị:

Trách nhiệm các bên liên kết khi chấm dứt:

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị chấm dứt và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến liên kết đào tạo với nước ngoài.

Tài liệu gửi kèm theo gồm:

1. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép;

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt);

3. Kiến nghị các nội dung (nếu có) trong Quyết định phê duyệt chấm dứt và giải trình.

Bên Việt Nam
(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

Bên nước ngoài
(Ký tên, đóng dấu)
Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đã cấp phép liên kết;

(2) Tên cơ sở, tổ chức giáo dục Việt Nam;

(3) Tên cơ sở, tổ chức nước ngoài;

(4) Số, ký hiệu Quyết định phê duyệt liên kết đào tạo/ liên kết tổ chức thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, thời điểm và tên cơ quan ban hành văn bản.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
CSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng... năm....

V/v báo cáo tổng kết thực hiện
chương trình liên kết đào tạo với nước
ngoài trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ năm
....

Kính gửi:

- Ban Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Ban Đối ngoại và Phát triển dự án.

I. Tổng quan quá trình đào tạo chương trình liên kết

II. Tổng quan về các chương trình liên kết

1. Cơ sở pháp lý

Các quyết định cho phép theo ngành đào tạo

Việc thực hiện các quyết định phê duyệt/gia hạn/điều chỉnh tại CSSĐT

2. Tổng quan ngành, trình độ đào tạo và văn bằng được cấp

Thống kê theo các tiêu chí sau:

- Tên ngành
- Trình độ đào tạo
- Hình thức liên kết
- Văn bằng được cấp (bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài)
- Địa điểm đào tạo

III. Tình hình triển khai chương trình liên kết

1. Công tác tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh
- Phương thức tuyển sinh
- Điều kiện ngoại ngữ đầu vào
- Kết quả tuyển sinh theo từng khóa (kèm đánh giá hiệu quả)

2. Quản lý đào tạo

- Chương trình đào tạo;
- Ngôn ngữ đào tạo;
- Đơn vị phụ trách đào tạo;
- Phương pháp đánh giá môn học;
- Điều kiện chuyển tiếp;

- Điều kiện tốt nghiệp;
- Thống kê số liệu:

Bảng 1: Kế hoạch tuyển sinh các CTLKNN trình độ đại học hàng năm

Stt	Tên chương trình liên kết	Chỉ tiêu	Số đợt tuyển sinh trong năm	Thời gian tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	Tổng					

Bảng 2: Quy mô đào tạo trình độ đại học các CTLKNN

Stt	Tên chương trình liên kết	Quy mô học viên	Quy mô học viên tại Việt Nam	Quy mô học viên đã chuyển tiếp	Ghi chú (thời điểm thống kê báo cáo)
	Tổng				

Ghi chú: Quy mô đào tạo được tính dựa trên số lượng học viên đang học đến hết ngày 31/10 hàng năm

Bảng 3: Kết quả tuyển sinh các CTLKNN trình độ đại học.

Stt	Tên chương trình liên kết	Đợt 1				Đợt 2				Đợt 3			
		Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Nhập học	% nhập học/chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Nhập học	% nhập học/chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Trúng tuyển	Nhập học	% nhập học/chỉ tiêu
	Tổng												

Bảng 4: Thống kê số lượng học viên chuyển tiếp và tốt nghiệp.

Stt	Tên chương trình liên kết	Số lượng học viên chuyển tiếp	Số lượng học viên tốt nghiệp	Ghi chú
				(thời điểm thống kê báo cáo)

Ghi chú: số liệu thống kê đến hết ngày 31/10 hàng năm.

Bảng 5: Kết quả học tập của học viên.

Stt	Tên chương trình liên kết	Số lượng học viên đang học	Kết quả học tập	Xếp loại (nếu có)	Ghi chú
					(thời điểm thống kê báo cáo)

- Đánh giá hiệu quả trên tổng số học viên chuyên tiếp/tốt nghiệp.

3. Cơ cấu tổ chức

4. Công tác tổ chức giảng dạy và học tập

5. Số lượng văn bằng được cấp (thống kê theo ngành, khóa tuyển,...)

6. Giảng viên tham gia giảng dạy CTLKNN

- Tiêu chí giảng viên tham gia CTLKNN;
- Số lượng giảng viên tham gia chương trình.

7. Cơ sở vật chất phục vụ CTLKNN tại đơn vị

- Báo cáo chung về cơ sở vật chất phục vụ CTLKNN;
- Thư viện, nguồn học liệu từ trường đối tác,....;
- Phòng thí nghiệm, phòng thực hành...(nếu có).

8. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo;
- Phương pháp quản lý, theo vết học viên trong quá trình đào tạo (trong nước và sau khi chuyển tiếp);
- Các biện pháp hỗ trợ học viên trong quá trình học;
- Đánh giá mức độ hài lòng của học viên;
- Kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng chương trình.

9. Tài chính

- Học phí: Mức thu học phí
- Báo cáo tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo năm ...

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	TỔNG THU			
1	Tổng số tiền thu (số SV x đơn giá)			Nếu tính bằng tiền ngoại tệ thì phải có tỷ giá ngân hàng
2	Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên			
3	Số tiền thực thu [1-2]			
II	TỔNG CHI			
1	Chi phí xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu			Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài
2	Chi phí tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh			

3	Tiền lương, tiền công bình quân của 1 giảng viên giảng dạy theo chương trình đào tạo trong 01 năm			
4	Chi phí coi thi, chấm thi			
5	Tiền học bổng khuyến khích học tập			
6	Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN			
7	Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo			Nếu có
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp			Theo quy định của Pháp luật
9	Thuế nhà thầu			Theo quy định của Pháp luật
10	Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành			
III	CHÊNH LỆCH THU - CHI			
IV	TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH			Theo quy định tại nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/TT-BTC

IV.Đánh giá chung

1. Thuận lợi
2. Khó khăn
3. Kiến nghị
4. Đánh giá về mức độ thành công của CTLKNN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, Ban ĐN&PTDA.

Tài liệu đính kèm:

- Số liệu tổng hợp CTLK đào tạo nước ngoài.

Thủ trưởng CSĐT

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)